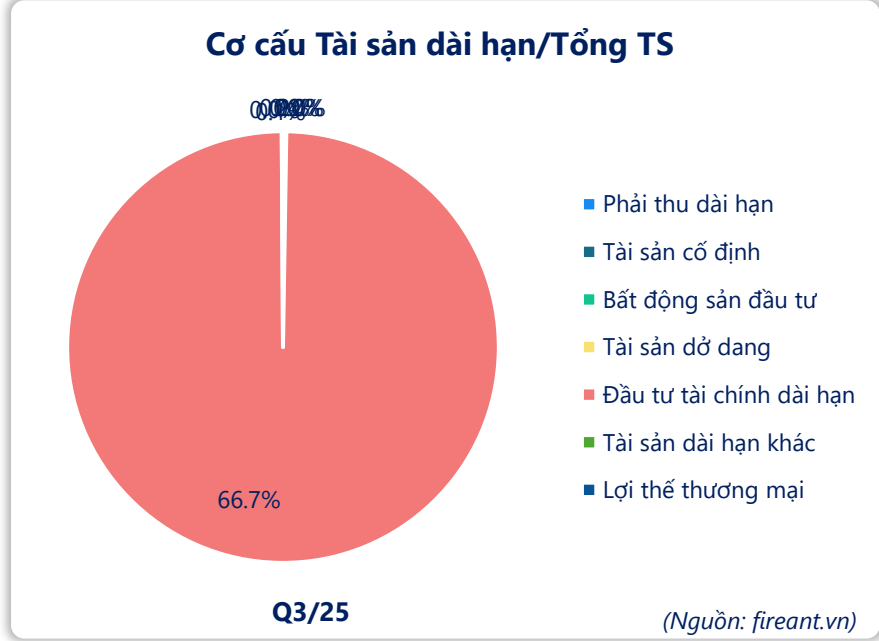
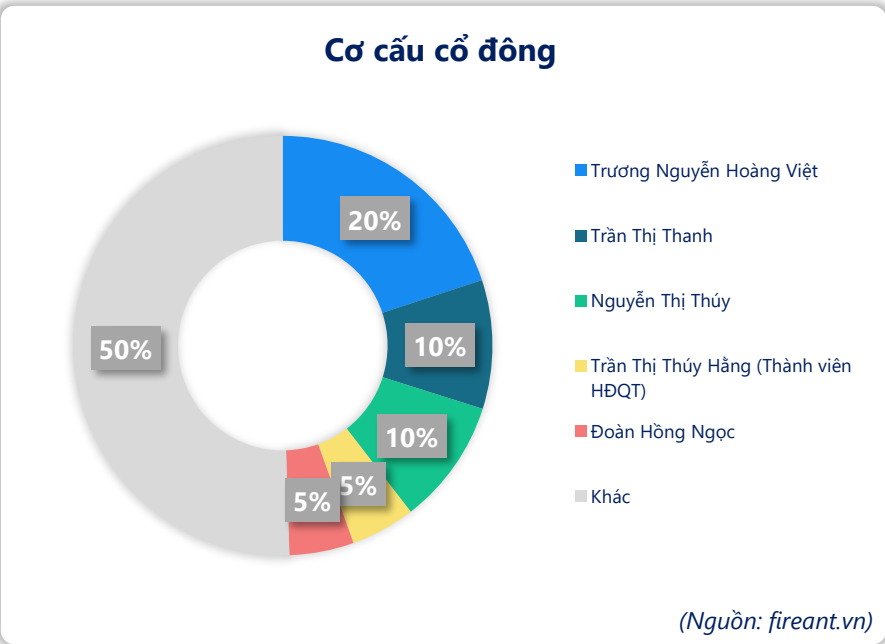
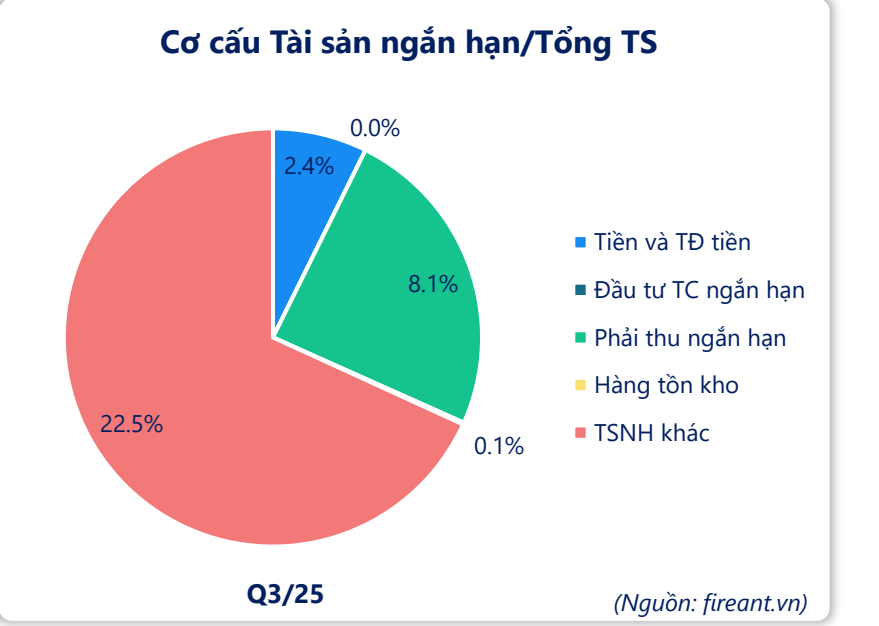
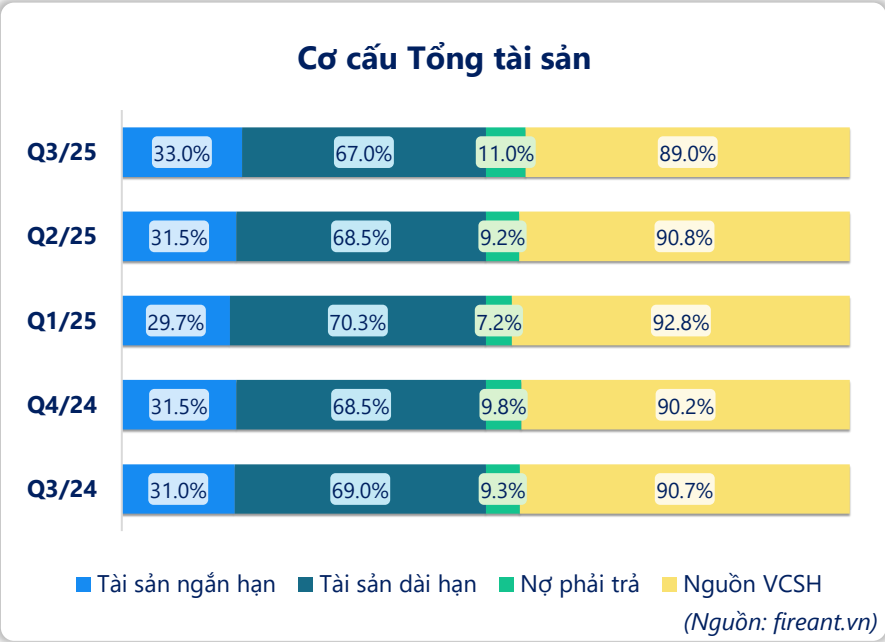
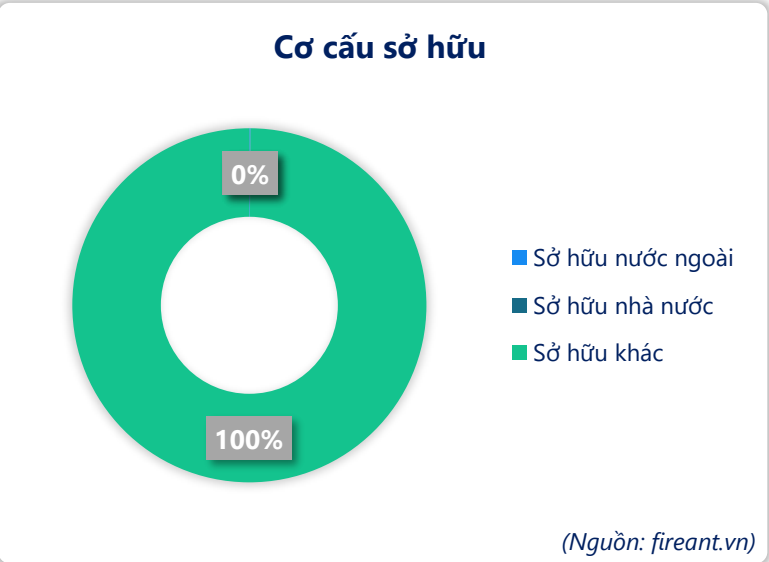
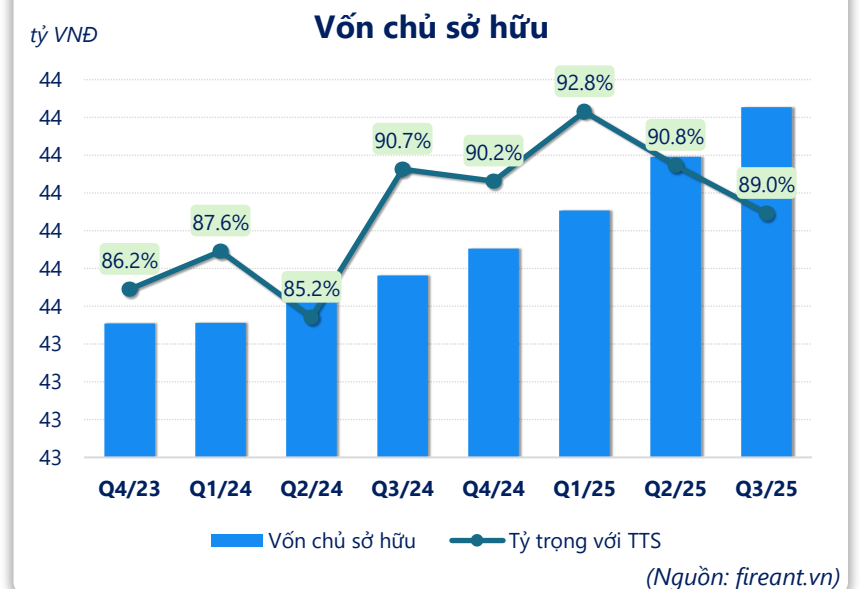
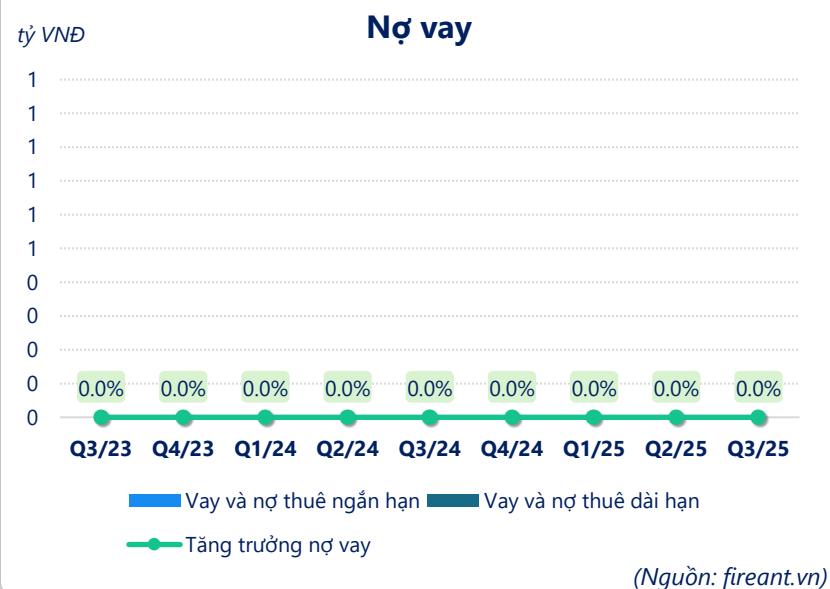
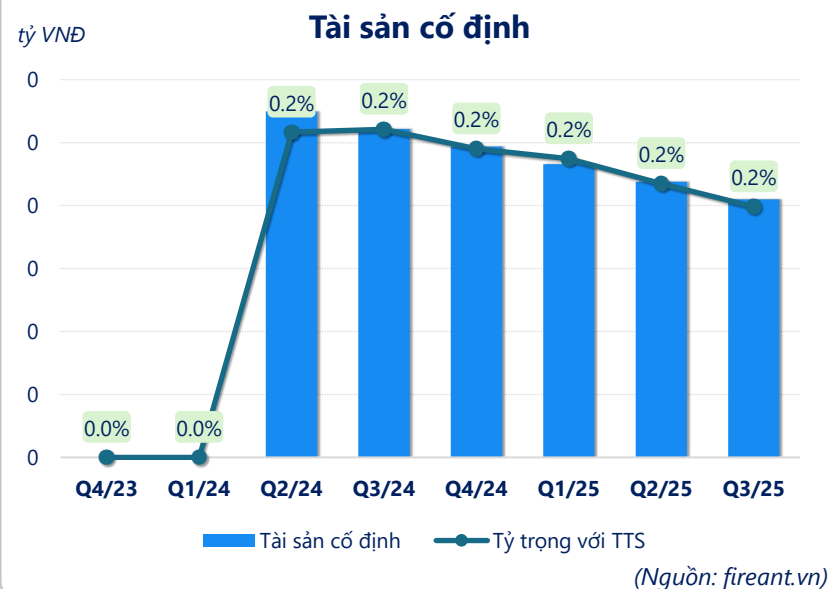
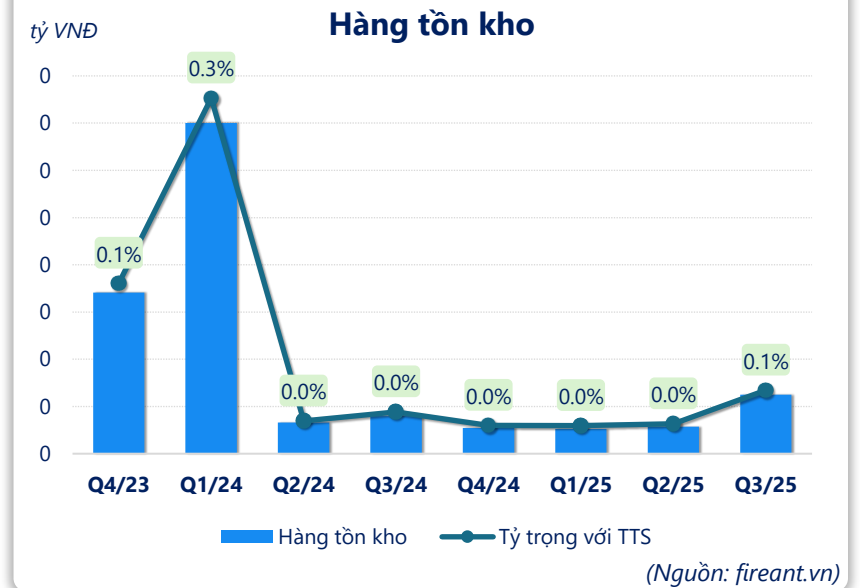
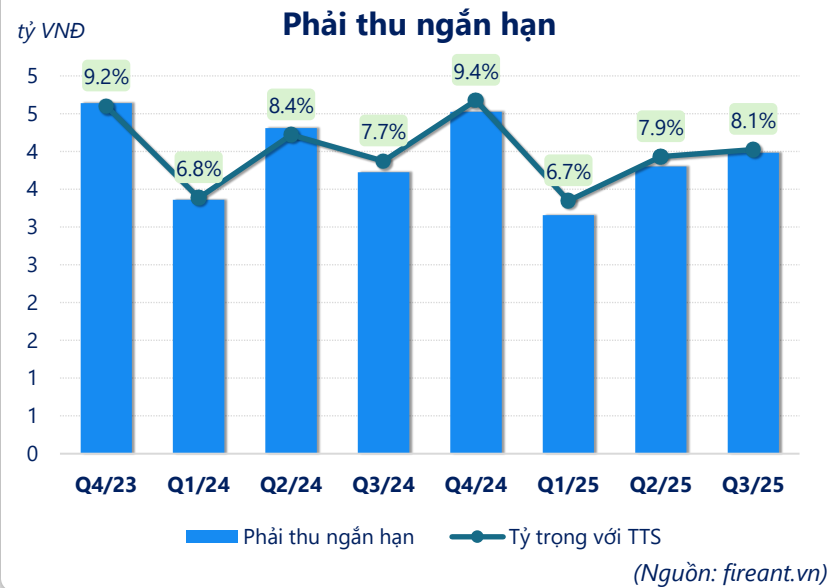
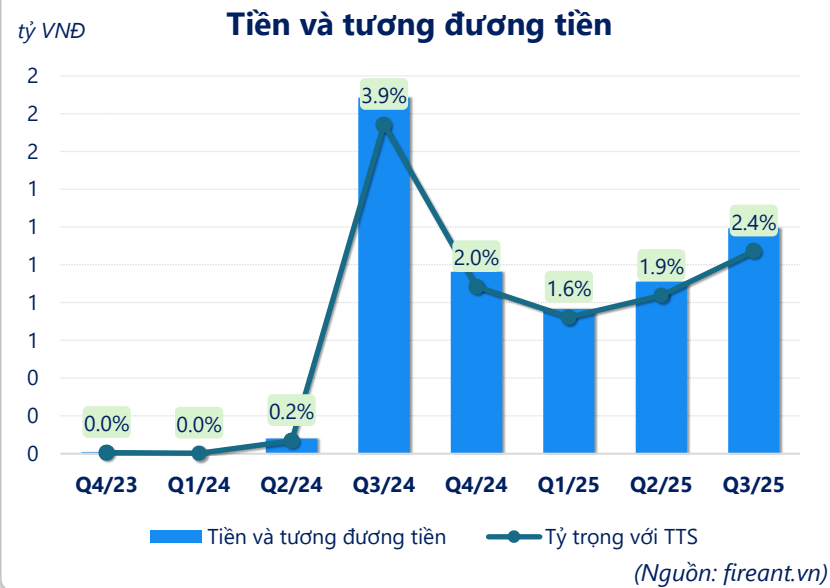


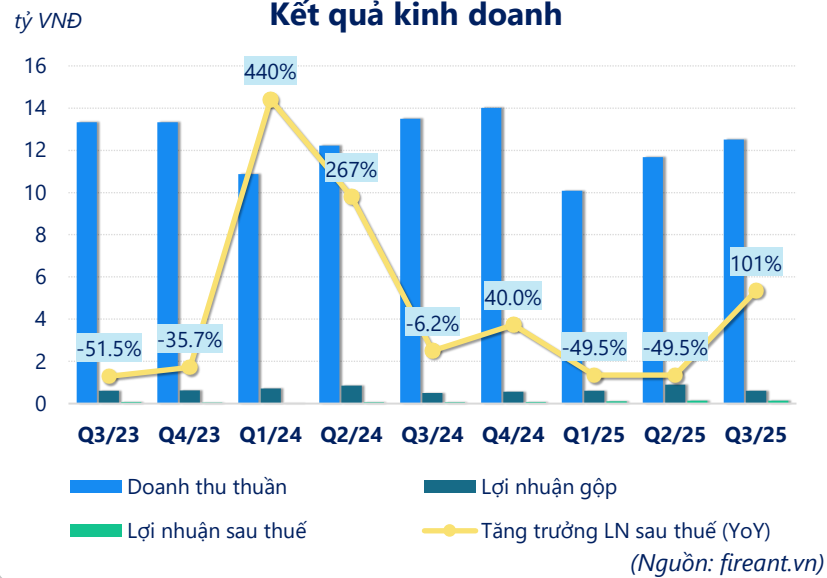
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,500
SL cổ phiếu LH		3,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		165
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		70
P/E		156.9
EPS		127

	YTD	1T	3T	6T
ATS	25.0%	11.1%	36.1%	53.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

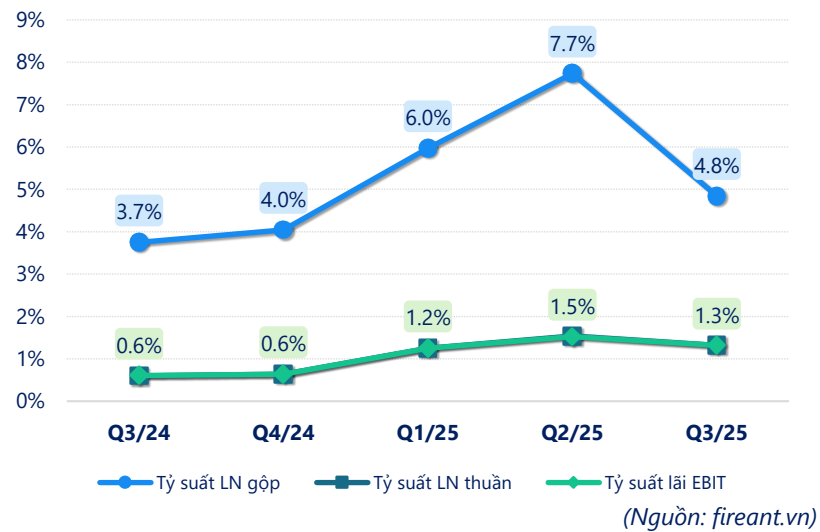




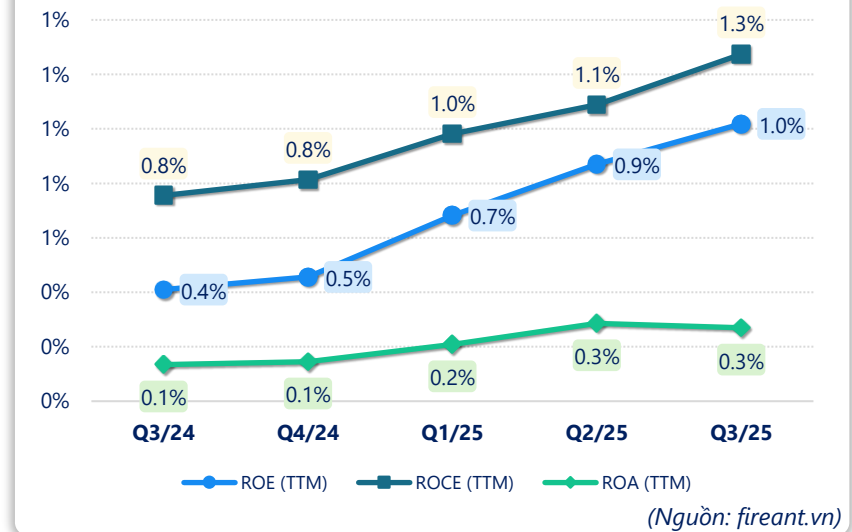
Kết quả kinh doanh



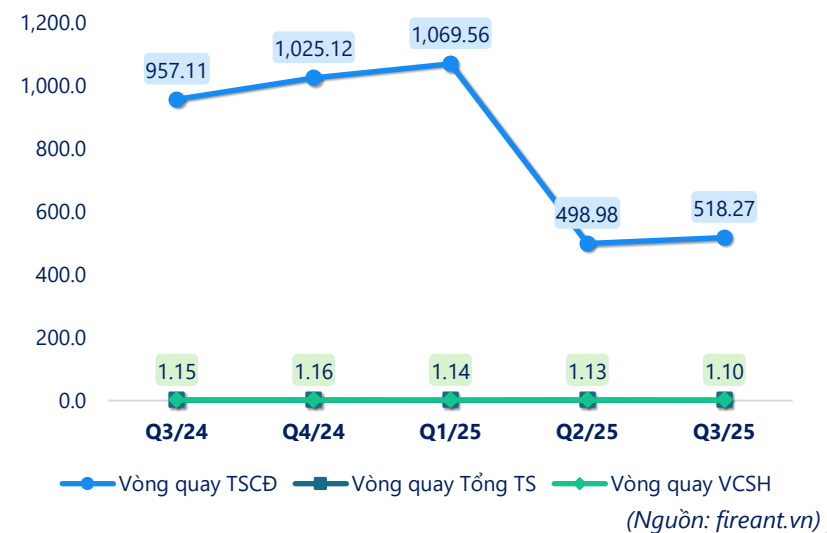
Tỷ suất lợi nhuận



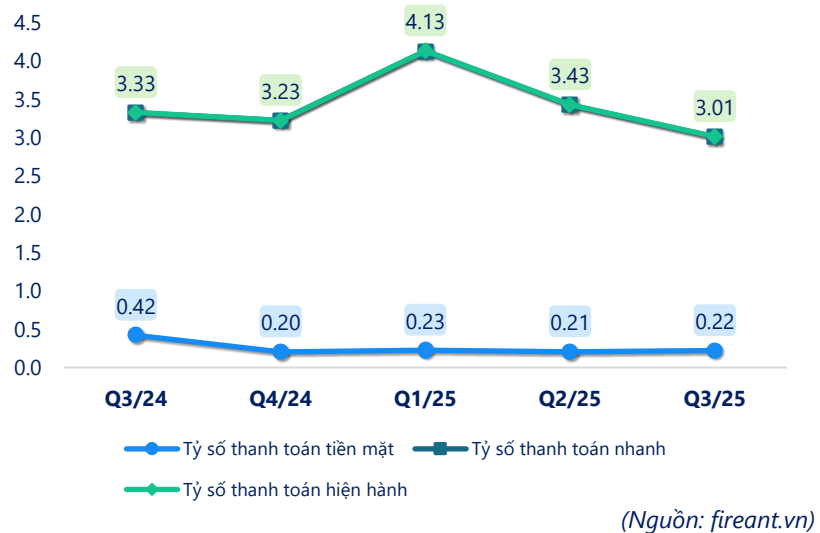
Tỷ suất sinh lợi



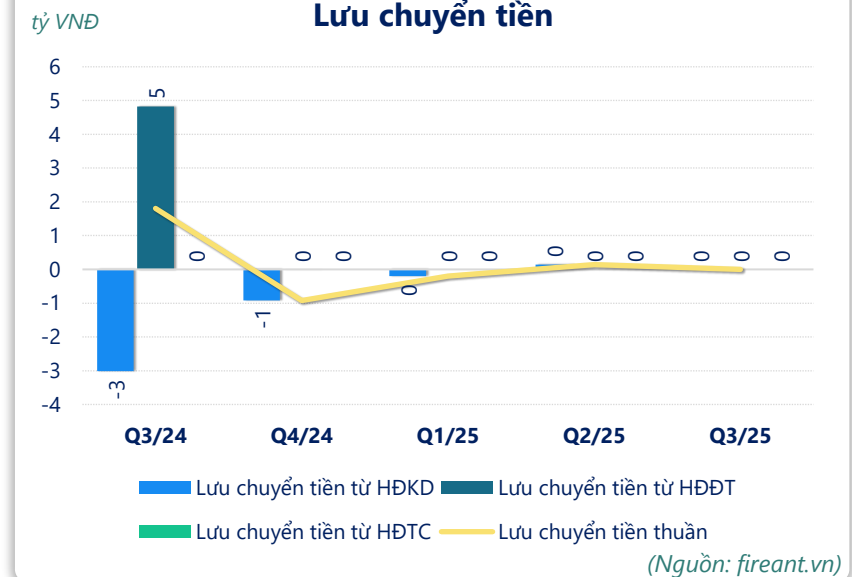
Vòng quay tài sản



Chỉ số thanh khoản



Lưu chuyển tiền



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	49.4	48.4	2.2%
Tài sản ngắn hạn	16.3	15.2	7.2%
Tiền và tương đương tiền	1.19	0.96	24.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3.98	4.53	-12.0%
Hàng tồn kho	0.02	0.01	129%
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	9.73	14.4%
Tài sản dài hạn	33.1	33.1	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.08	0.10	-17.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	33.0	33.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.04	-31.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.42	4.72	14.8%
Nợ ngắn hạn	5.42	4.72	14.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.76	3.89	22.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	44.0	43.7	0.9%
Vốn chủ sở hữu	44.0	43.7	0.9%
Vốn điều lệ	35.0	35.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	13.5	14.0	10.1	11.7	12.5
Giá vốn hàng bán	13.0	13.5	9.48	10.8	11.9
Lợi nhuận gộp	0.51	0.57	0.60	0.90	0.61
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.43	0.48	0.48	0.72	0.44
LN thuần từ HĐKD	0.08	0.09	0.13	0.18	0.16
Lợi nhuận khác	0.00	0	0	0.00	0
LN trước thuế	0.08	0.09	0.13	0.18	0.16
Lợi nhuận sau thuế	0.07	0.07	0.10	0.14	0.13
LNST của CĐ cty mẹ	0.07	0.07	0.10	0.14	0.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.02	-0.92	-0.20	0.14	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.82	0.00	0	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.08	1.88	0.96	0.77	0
Lưu chuyển tiền thuần	1.80	-0.92	-0.20	0.14	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.88	0.96	0.77	0.91	0

(Nguồn: fireant.vn)